

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 17/7/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Sinh.

2. Ông Hoàng Văn Mùi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020, số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lãnh Thị L, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Quang T, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

*Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lãnh Thị L trình bày: chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/3/2011 tại UBND phường C, thị xã C(nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình anh T nóng nảy, lúc nào cũng cho mình đúng, không chịu lắng nghe ý kiến của chị và gia đình. Cứ mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T lại chửi bới, đập phá đồ đạc, thậm chí là đánh đập chị. Tình trạng này diễn ra thường xuyên, dù chị đã khuyên giải những anh T không thay đổi. Nhiều lần chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở huyện S, tỉnh Bắc Giang sinh sống nhưng do anh T có gặp gỡ, xin lỗi nên chị đã quay trở về chung sống. Nhưng chỉ chung sống với nhau được vài tháng thì vợ chồng lại mâu thuẫn. Đến tháng 7 năm 2019, chị đã thu dọn đồ đạc và cùng cháu thứ hai về ở tại gia đình bố mẹ chị. Anh T không những tìm cách động viên mà còn thường xuyên gọi điện chửi bới, đe dọa. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Trí có 2 con chung là Trương Quang Tr, sinh ngày 11/6/2011 và Trương Quang H, sinh ngày 22/8/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai cháu vì gia đình anh T chỉ còn mẹ đẻ, anh T đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với công sức gia đình hai bên: anh chị không có nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Trương Quang T. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Bà Bùi Thị B là mẹ đẻ của anh T trình bày: Trong quá trình vợ chồng sống tại gia đình bà, anh T và chị L có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh T ghen tuông vì chị L có liên lạc với người yêu cũ, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Có vài lần chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng sau đó được anh T động viên nên lại quay lại chung sống. Tuy nhiên tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi nên đến năm 2019, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở và không chung sống với anh T từ đó đến nay. Bà vẫn mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng nếu phải ly hôn thì bà không đồng ý để chị L nuôi hai con, bà có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để hỗ trợ anh T nuôi con.

Bà Chu Thị H là mẹ đẻ của chị Lãnh Thị L trình bày: Mâu thuẫn của anh T và chị L đã trầm trọng, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L. Bản thân anh T không có nghề nghiệp ổn định, có biểu hiện sử dụng ma túy. Mặc dù bà không mong muốn anh chị phải ly hôn nhưng để đảm bảo cuộc sống của chị L và các con nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T, giao các con cho chị L nuôi dưỡng. Vì hiện nay chị L có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở, chăm sóc các cháu và đưa đón các cháu đi học. Gia đình anh T chỉ còn mẹ đẻ, phải nuôi dưỡng 1 người em trai của anh T bị thiếu năng về trí tuệ, anh T lại thường xuyên không có nhà nên không đảm bảo việc nuôi dạy các cháu.

Đại diện chính quyền khu dân cư B, phường C xác định: nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T là do anh T ghen tuông nên hay chửi bới, đánh đập chị L. Chị L đã vài lần về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng sau đó lại quay về chung sống nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Hiện nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ, còn thỉnh thoảng anh T mới có mặt ở nhà, còn anh ấy đi đâu làm gì thì không rõ.

Tại phiên tòa, chị L và anh T đều không có mặt.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lãnh Thị L được ly hôn với anh Trương Quang T.

Về con chung: Giao cho chị L được nuôi dưỡng con chung là Trương Quang Tr, sinh ngày 11/6/2011 và Trương Quang H, sinh ngày 22/8/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1]. Về tố tụng:

Chị Lãnh Thị L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Trương Quang T có địa chỉ thường trú tại phường C, thành phố C. Theo công văn số 9379 ngày 16/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an xác định: anh T đã sử dụng giấy thông hành để xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh và nhập cảnh ngày 19/7/2019 qua cửa khẩu Móng Cái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

### [2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2011 tại UBND phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau, anh T lại chửi bới, đập phá đồ đạc và đánh chị L. Mặc dù chị L đã nhiều lần giải thích, khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Tình trạng trên kéo dài khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Chị L đã nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ ở huyện S, tỉnh Bắc Giang sống nhưng sau đó anh T có xin lỗi và vợ chồng lại tiếp tục chung sống cùng nhau. Tuy nhiên mâu thuẫn của anh chị không được giải quyết. Đến tháng 7 năm 2019, chị L đã cùng con thứ hai lại về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay, anh T không tìm gặp chị động viên chị quay về chung sống, giữa anh chị không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng không có mặt theo giấy triệu tập nên vợ chồng không có điều kiện hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Linh là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Trương Quang Tr, sinh ngày 11/6/2011 và Trương Quang H, sinh ngày 22/8/2013. Tại bản tự khai ngày 7/5/2020, cháu Tr có nguyện vọng ở với chị Linh. Để có căn cứ giao con cho vợ chồng nuôi dưỡng, HĐXX cần xem xét, đánh giá về thu nhập, chỗ ở và các điều kiện khác của từng người.

Về thu nhập: Hiện nay chị L đang làm việc tại công ty TNHH Công nghệ Lens Việt Nam với mức thu nhập ổn định khoảng 8 triệu đồng/tháng, trong khi đó anh T không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về chỗ ở: Anh T và chị L đều chung sống cùng gia đình bố mẹ mình. Bố mẹ của chị L đều khỏe mạnh và đảm bảo về chỗ ở để chị L nuôi dưỡng, chăm sóc con. Gia đình anh T hiện chỉ còn mẹ và sống chung với 1 người em trai.

Về điều kiện khác: Anh T hiện nay đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 21 tháng theo Quyết định số:02/2020/QĐ- TA ngày 06/2/2020 của TAND thành phố Chí Linh nên anh T không thể có mặt ở nhà để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Hơn nữa anh là người nghiện ma túy nên việc nuôi dưỡng con có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu sau này.

Từ những đánh giá trên, HĐXX nhận thấy dù các con của anh chị hiện đang ở cùng mẹ đẻ anh T nhưng cần thiết phải giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng mới phù hợp nguyện vọng của cháu Tr, phù hợp với điều kiện và cuộc sống của các cháu. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Lãnh Thị L,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lãnh Thị L được ly hôn anh Trương Quang T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lãnh Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Trương Quang Tr, sinh ngày 11/6/2011 và Trương Quang H, sinh ngày 22/8/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lãnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006287 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị L đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hà**